TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **827**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-11-2019.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà V.T.H

2. Bà N.T.L.L.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông N.A.T – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà N.T.D.T – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 177/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Liên lạc: đường B, Phường P, Quận A, TP.HCM.(có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh T, sinh năm 1988.
Địa chỉ: đường T, Phường G, Quận Y, TP.HCM.(vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị T trình bày:

Chị T và Anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 223, của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2017.

Sau khi kết hôn, cả hai chung sống tại nhà của Anh T, địa chỉ đường T, Phường G, Quận Y, TP.HCM. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bình thường.

Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cụ thể vào tháng 10/2017, anh T kêu chị T

đưa tiền để lấy biển số xe, nhưng lúc đó chị T không đủ tiền để đưa và từ đó xảy ra những cuộc cãi vả ngày càng nhiều hơn. Ba mẹ hai bên tôi có nhiều lời khuyên ngăn và hòa giải cho đôi bên nhưng anh T không nghe và có ý định đòi ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc.

Chị T và Anh T đã ly thân từ tháng 12/2017 đến nay, không liên lạc qua lại. Từ lúc chị T sinh con anh T cũng không hỏi thăm hay đến gặp mặt con lần nào.

Chị T nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm chị dành cho anh T không còn nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với Anh T.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên là H.T.D.M, sinh ngày 16/7/2018.

Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con H.T.D.M. Cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Ngoài ra, Chị T không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn: Anh T vắng mặt không lý do, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Anh T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn Anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như trình tự thủ tục tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung chấp nhận yêu cầu của Chị T, giao con chung H.T.D.M cho Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung, các đương sự tự khai không có nên không giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn

có nơi cư trú tại Quận Y nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề ngày 03/7/2019 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và Anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 223, của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2017 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, tháng 10/2017, anh T kêu chị T đưa tiền để lấy biển số xe, nhưng lúc đó chị T không đủ tiền để đưa và từ đó xảy ra những cuộc cãi vả ngày càng nhiều hơn. Ba mẹ có nhiều lời khuyên ngăn và hòa giải cho đôi bên nhưng anh T không nghe và có ý định đòi ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc.

Chị T và Anh T đã ly thân từ tháng 12/2017 đến nay, không liên lạc qua lại. Từ lúc chị T sinh con anh T cũng không hỏi thăm hay đến gặp mặt con lần nào.

Chị T xác định hiện nay không còn tình cảm với Anh T, nên chị T yêu cầu được ly hôn với Anh T.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Đối với quan hệ vợ chồng giữa chị và anh thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay, vì vậy yêu cầu được ly hôn của Chị T có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên là H.T.D.M, sinh ngày 16/7/2018. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con H.T.D.M. Cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với Anh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên H.T.D.M, sinh ngày 16/7/2018 cho Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở Anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 223, của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2017 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0010939 ngày 20/3/2019 của Chi Cục Thi hành án Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- UBND P.G,Q.Y;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Sang